

Bản án số: 477/2020/ DS-PT

Ngày: 23/12/2020

V/v “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Viết Văn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Liên Anh;

Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Quản Việt Phương – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án thụ lý số 436/2020/TLPT- DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/ DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 482/2020/QĐ-PT ngày 24/11/2020, Quyết định hoãn phiên toà số 614/2020/QĐPT-HPT ngày 09/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Lê Thị Ch, sinh năm 1943;

ĐKKH: Số 8, ngõ 3, xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966;

ĐKKH và nơi ở: Số 418, xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Tuấn: Luật sư Chu Văn Tiến, Luật sư Trần Đình Thắng – Công ty Luật TNHH 88; thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1. Anh Nguyễn Đình Thành, sinh năm 1990;

ĐKHK và nơi ở: Nhà số 418, xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

2. Chị Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1986;

Hộ khẩu: An Lạc, thôn Đàn Viên, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đình Tuệ, sinh năm 1964;

ĐKHK và nơi ở: Số 10, ngõ 3, xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Chinh, sinh năm 1973;

Trú tại: Thôn Vỹ, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

3. Bà Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1982;

Đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Đình Hoàn, sinh năm 1988;

Trú tại: Số 10, ngõ 3, xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

4. Chị Nguyễn Thị Hồng Phúc, sinh năm 2000;

ĐKHK và nơi ở: Số 8, ngõ 3, xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

5. Chị Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1992;

ĐKHK và nơi ở: Số 418, xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo, bà Nguyễn Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn cụ Lê Thị Ch trình bày:

Cụ Châm và cụ Nguyễn Thanh Bình, sinh năm 1944 (chết ngày 01/4/2014) là vợ chồng sinh ra được 06 người con ruột, gồm:

Ông Nguyễn Đình Tuệ, sinh năm 1964;

Ông Nguyễn Đình Tuyển, sinh năm 1966 (chết ngày 02/10/2014 – chồng bà Tuấn);

Bà Nguyễn Thị Chinh, sinh năm 1975;

Ông Nguyễn Đình Môn, sinh năm 1975, chết năm 2000;

Bà Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1982;.

Ông Nguyễn Đình Sơn, (chết trẻ - không vợ con).

Thời điểm những năm 1985, 1986 vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng cụ được UBND xã Cao Viên, huyện Thanh Oai cấp cho 01 diện tích đất là 214 m² đất tại đầu xóm Kênh, lý do được cấp vì cụ Bình là bộ đội, đông con nên được cấp, khoảng năm 1986 thì vợ chồng đắp đất, làm nhà cho vợ chồng ông Nguyễn Đình Tuyển và vợ là Nguyễn Thị T ở từ những năm đó cho đến nay, việc giao đất cho vợ chồng ông Tuyển, bà Tuấn chưa

có văn bản giấy tờ gì mà chỉ thể hiện bằng miệng. Năm 2014, cụ Bình chết cũng không để lại di chúc phân chia cho con nào cả, đến tháng 02 năm 2018 thấy bà Tuấn gọi giao bán đất, còn bán từ khi nào thì cụ không biết chỉ biết giao bán cho bà Nguyễn Thị Phụng (không rõ năm sinh, chồng là Nguyễn Đình Thông, đã chết) cùng ở xóm Kênh. Sau khi phát hiện ra sự việc thì cụ không đồng ý cho bán, bà Tuấn cũng không có quan điểm gì, sau đó thì sự việc được thôn, xóm, xã hòa giải nhưng bà Tuấn không nghe, bà Tuấn mang cho cụ 20.000.000 đồng nói là tiền lộc bán đất, nhưng cụ không lấy, cụ cho rằng toàn bộ diện tích đất nêu trên là của vợ chồng cụ. Sự việc sau khi được UBND xã Cao Viên hòa giải nhưng không thành, cụ đề nghị Tòa án buộc bà Tuấn trả lại toàn bộ diện tích đất mà UBND xã đã giao cho để cụ chia đều cho các con đẻ.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía cụ Châm gồm có: Ông Nguyễn Đình Tuệ, bà Nguyễn Thị Chính, bà Nguyễn Thị Thủy, chị Phúc có bản khai đồng nhất quan điểm với cụ Châm.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Tuấn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Châm với lý do như sau: Bà và ông Nguyễn Đình Tuyến, sinh năm 1966 (chết ngày 02/10/2014) là vợ chồng, ông Tuyến là con đẻ của cụ Châm và cụ Bình. Hai cụ Châm Bình sinh ra được một số những người con sau: Ông Nguyễn Đình Tuệ, sinh năm 1964; Ông Nguyễn Đình Tuyến, sinh năm 1966 (chết ngày 02/10/2014) là chồng bà Tuấn; bà Nguyễn Thị Chính, sinh năm 1975; ông Nguyễn Đình Môn, sinh năm 1975, chết năm 2000; bà Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1982; ông Nguyễn Đình Sơn, (Chết trẻ - không có vợ con) và một người con nuôi là Nguyễn Đình Xoa, sinh năm 1966, ngoài ra không có con nào khác. Bà Tuấn kết hôn với ông Tuyến năm 1985, sau ngày cưới thì vợ chồng vẫn ở chung cùng với hai cụ Châm, Bình, đến năm 1987 thì cụ Bình đi xin đất của UBND xã Cao Viên, xin cho ông Tuyến được diện tích đất 214m² tại đầu xóm Kênh, thuộc tờ bản đồ số 19, thửa số 187. Thời điểm đó, đất nội chỉ là rìa đầm nước trắng, sau khi được cho ra ở đó, vợ chồng bà đã cùng cụ Bình, cụ Châm đắp đất nền, chi phí lấp đất làm nền nhà thì ông nội của ông Tuyến (bố đẻ của cụ Bình) cho vợ chồng bà 2 chỉ vàng nhưng đưa cho cụ Bình để cụ Bình đứng ra lấp đất để tránh tiếng việc ông Tuệ, ông Môn khỏe mạnh thì được ở trong làng còn chồng bà mất kém lại phải tự lấp đất lấy nơi làm nhà. Sau khi có nền đất thì vợ chồng bà làm nhà và ở từ đó cho đến nay. Khi làm nhà vợ chồng bà còn phải vay của cụ Bình 2000 viên gạch và 8000 viên ngói; cụ Bình khi còn sống nhiều lần đòi nhưng vợ chồng bà chưa trả được vì nghèo túng quá. Quá trình chung sống vợ chồng bà đắp, bồi đất lấn ra bờ đầm trong nhiều năm nên mới có được diện tích thực tế như hiện nay. Sau nhiều lần sửa chữa nhà cũ thì đến năm 2013 vợ chồng bà phá nhà cũ đi xây nhà mới, trong quá trình xây nhà thì vợ chồng cụ Bình và anh chị em trong gia đình không ai đòi hỏi gì về đất vì thực tế cụ Bình đã nói là cho vợ chồng bà mảnh đất đó. Năm 1997 cụ Bình đưa cho bà tờ giấy của xã cấp mảnh đất đó cho cụ Bình để bà xuất trình và đăng ký đứng tên chồng bà là chủ

sử dụng đất. Do làm nhà có thiếu tiền nên mới đi vay của người khác, nhưng sau khi xây xong được khoảng 01 năm (năm 2014) thì ông Tuyến bị bệnh chết, số tiền vay là 300.000.000 đồng + tiền lãi khi vay chưa trả, nếu không trả thì phải cầm đất là 100m², chứ chưa có việc mua bán, chuyển nhượng đất cho ai. Nay cụ Châm khởi kiện bà không đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các con đẻ của bà Tuấn là anh Nguyễn Đình Thành và chị Nguyễn Thị Vân đồng nhất quan điểm với bà Tuấn.

Tại Biên bản Thẩm định – định giá tài sản ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Hội Đồng thẩm định, định giá tài sản huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội đã kết luận về giá các tài sản sau:

1. Nhà cấp 4, xây dựng năm 2013, khung bê tông cốt thép, nền lát gạch, cửa kính phía ngoài, có tổng diện tích 02 tầng 142,14 m², (bao gồm cả mái tôn phía trước và phía sau) sau khi đã khấu hao 40%, giá trị tài sản còn lại: 459.936.000đồng;
2. Mái vẩy giáp đường trục xã, xây dựng năm 2013, sau khi đã khấu hao, giá trị còn lại: 4.543.000đồng;
3. Mái vẩy phía sau nhà (giáp hồ), sau khi đã khấu hao giá trị còn lại: 1.389.000đồng;
4. Phần đất đổ nền trên toàn bộ diện tích đất là 1449 m³ x 69.000đ/01m³ có giá trị là: 99.981.000đồng;
5. Về giá trị đất, có tổng diện tích theo hiện trạng là 506.5 m² x 15.000.000đ/m² = , có giá trị: 7.597.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn, cụ Lê Thị Ch có đơn đề nghị thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Cụ Châm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai xem xét giải quyết chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Đình Tuyến theo luật định.

Sau khi nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, ngày 29/8/2019 Tòa án huyện Thanh Oai tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải giữa hai bên đương sự, cụ Châm giữ nguyên quan điểm thay đổi yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Tuấn không đồng ý với quan điểm của cụ Châm.

Ngày 23/9/2019, Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai mở phiên tòa; bị đơn, bà Nguyễn Thị T có đơn xin hoãn phiên tòa và xuất trình 01 đơn xin xác nhận việc ông Nguyễn Đình Tuyến là người bị tai nạn lao động từ nhỏ, được hưởng chế độ người tàn tật cho đến khi chết năm 2014.

Tại phiên tòa ngày 19/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đình Thành và chị Nguyễn Thị Vân (con đẻ của ông Tuyến và bà Tuấn) có yêu cầu độc lập đề nghị được chia thừa kế phần tài sản mà bố mình nếu còn sống sẽ được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thanh Bình, nên Hội đồng xét xử đã phải

tạm ngừng phiên tòa để thụ lý yêu cầu của chị Vân và anh Thành đồng thời tiến hành xác minh, thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu này.

Sau khi thụ lý yêu cầu của anh Thành, chị Vân thì các đương sự thống nhất với nhau về việc cụ Nguyễn Thanh Bình, sinh năm 1943 (chết ngày 01/4/2014) và vợ là cụ Nguyễn Thị Châm, có khối tài sản là 404m² thửa đất số 140, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội (nay là số nhà 08 và số nhà 10, ngõ 3, xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao Viên) đã được UBND huyện Thanh Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 658138 ngày 30/5/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh Bình. Cụ Bình chết không để lại di chúc.

Các bên đương sự thống nhất về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bình gồm:

1. Cụ Nguyễn Thị Châm (vợ cụ Bình). 2. Ông Nguyễn Đình Tuệ, sinh năm 1964. 3. Ông Nguyễn Đình Tuyền, sinh năm 1966 (chết ngày 02/10/2014) có vợ Nguyễn Thị T, con là Nguyễn Đình Thành và Nguyễn Thị Vân. 4. Bà Nguyễn Thị Chính, sinh năm 1973 (con đẻ của cụ Châm và cụ Nguyễn Thanh Bình). 5. Ông Nguyễn Đình Môn, sinh năm 1975 (chết năm 2000) có con là Nguyễn Thị Hồng Phúc, sinh năm 2000. 6. Bà Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1982 (con đẻ của cụ Châm và cụ Bình), ủy quyền cho anh Nguyễn Đình Hoàn, sinh năm 1988. Người con nuôi tên là Nguyễn Đình Xoa, sinh năm 1966 chỉ là con nuôi trên danh nghĩa tình cảm chứ không phải là con nuôi theo quy định của pháp luật (bố đẻ ông Xoa đi bộ đội cùng cụ Bình nhưng đã hi sinh, cụ Bình đã mang hài cốt của liệt sỹ về cho gia đình ông Xoa nên từ đó ông Xoa nhận làm bố nuôi để qua lại cho tình cảm).

Anh Thành và chị Vân có yêu cầu độc lập chia thừa kế những tài sản của cụ Bình theo pháp luật, phần của bố anh chị là ông Tuyền được hưởng thừa kế của cụ Bình vì ông Tuyền chết sau cụ Bình.

Cụ Châm và những người đồng thừa kế của cụ Bình đều nhất trí đề nghị chia theo pháp luật, kỷ phần của cụ Châm, ông Tuệ, bà Chính, chị Phúc và bà Thủy được hưởng không chia riêng mà thống nhất giao chung cho cụ Châm quản lý sử dụng.

Bà Tuấn, chị Vân, anh Thành đồng ý nếu chia thừa kế di sản của ông Tuyền thì kỷ phần của ba người này không tách riêng mà đề nghị giao chung cho bà Tuấn quản lý.

Căn cứ vào kết quả đo đạc theo sơ đồ hiện trạng nhà đất do Công ty Cổ phần Khảo sát và Đo đạc địa chính Thủ Đô đo đạc ngày 28/7/2020, cùng ngày Tòa án Thanh Oai đã tiến hành thẩm định và định giá tài sản. Hội đồng định giá tài sản theo Quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá tài sản số 02/2020/QĐ - ĐG ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai thống nhất định giá: Đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội (nay là số nhà 08 và số nhà 10, ngõ 3, xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao Viên) đã được UBND huyện Thanh Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 658138 ngày 30/5/2012 mang tên hộ ông Nguyễn Thanh Bình, như sau:

1. Đất tổng diện tích đo đạc: $412\text{m}^2 \times 4.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 1.648.000.000$ đồng
2. Phần tài sản do ông Nguyễn Đình Tuệ làm trên đất và quản lý (nhà số 10):
Nhà cấp bốn lợp ngói ri, khung gỗ do ông Tuệ xây dựng năm 2009: diện tích $52,5\text{m}^2 \times 2.308.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 50\% = 60.585.000$ đồng.
 - 2.1. Phần mái vẩy lợp tôn trước cửa nhà cấp bốn do ông Tuệ làm: $11,4\text{m}^2 \times 253.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 50\% = 1.442.000$ đồng.
 - 2.2. Sân lát gạch đỏ do ông Tuệ làm diện tích: $48,7\text{m}^2 \times 255.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 20\% = 2.483.000$ đồng.
 - 2.3. Cổng sắt 02 cánh, khung tuýp tròn, hàn hoa sắt do ông Tuệ làm: $3,99\text{m}^2 \times 479.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 30\% = 573.000$ đồng.
 - 2.4. Mái vẩy phía trong lợp Proximăng, khung sắt do ông Tuệ làm: $27\text{m}^2 \times 253.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 40\% = 2.732.000$ đồng.
 - 2.5. Nhà bếp + công trình phụ, mái lợp ngói, tường xây 110, do ông Tuệ làm: $26,2\text{m}^2 \times 1.249.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 30\% = 9.817.000$ đồng.
 - 2.6. Khu vệ sinh + nhà tắm mái đổ bê tông phía trên có bể chứa và bể lọc do ông Tuệ làm: $4,6\text{m}^2 \times 2.673.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 30\% = 3.688.000$ đồng.
 - 2.7. Tường rào phi trong đã hỏng không yêu cầu định giá.
3. Phần tài sản trên đất tại nhà số 8 do cụ Châm và cụ Bình tạo dựng gồm:
 - 3.1. Nhà cấp bốn, xây hai tầng (xây năm 1990, tầng 1 sàn gỗ mái trên lợp ngói, đòn tay tre gỗ, hiên nhà đổ bê tông, cầu thang bên ngoài, hết khấu hao, giá trị sử dụng còn lại:
+ Diện tích tầng 1: $44,2\text{m}^2 \times 1.972.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 30\% = 26.148.000$ đồng.
+ Diện tích tầng 2: $31,5\text{m}^2 \times 1.568.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 30\% = 14.817.000$ đồng.
 - 3.2. Mái vẩy lợp tôn của nhà 2 tầng làm năm 2012: $11,4\text{m}^2 \times 253.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 20\% = 2.886.000$ đồng.
 - 3.3. Cổng sắt một cánh, sắt đã cũ ri: $3,9\text{m}^2 \times 237.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 10\% = 92.000$ đồng.
 - 3.4. Tường bao xây gạch 110, bở trụ, làm năm 1990 (đã hết khấu hao): $21,4\text{m}^2 \times 615.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 10\% = 1.316.000$ đồng.
 - 3.5. Sân lát gạch đỏ làm năm 1990 (đã hết khấu hao): $36\text{m}^2 \times 255.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 10\% = 918.000$ đồng.
 - 3.6. Nhà bếp + công trình phụ mái lợp Proximăng, khung đòn tre, gỗ (làm năm 2012): $18\text{m}^2 \times 1.249.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 20\% = 4.496.000$ đồng.
 - 3.7. Bể nước phía trong làm năm 1990 (hết khấu hao): $2,8\text{m}^3 \times 2.673.000\text{đồng} \times 10\% = 748.000$ đồng.
 - 3.8. Bể nước phía ngoài làm năm 1990 (hết khấu hao): $4,5\text{m}^3 \times 2.673.000\text{đồng} \times 10\% = 1.202.000$ đồng.

3.9. Giếng khơi xây bằng gạch đã lâu không yêu cầu định giá.

Tổng giá trị tài sản trên đất và giá trị đất ở là: 1.781.943.000 đồng. Những tài sản này hiện do cụ Châm quản lý sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/ DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai đã quyết định:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị Ch về yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Cụ Lê Thị Ch yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần di sản của ông Nguyễn Đình Tuyền là hợp pháp.

Chấp nhận yêu cầu của anh Thành, chị Vân về yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Thanh Bình.

2. Công nhận khối tài sản bao gồm diện tích đất 214 m², thuộc tờ bản đồ số 19, thửa số 187 xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Tp. Hà Nội có giá trị: 3.210.000.000 đồng và các tài sản trên đất bao gồm: Nhà ở và các công trình gắn, phần đất đổ nền có giá trị: 565.849.000 đồng. Tổng giá trị là 3.775.844.000 đồng là tài sản chung của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình Tuyền.

Ông Nguyễn Đình Tuyền chết ngày 02/10/2014 Phần di sản của ông Tuyền là: $\frac{1}{2}$ = 1.887.922.000 đồng.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Tuyền gồm: Cụ Lê Thị Ch, bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Vân, anh Nguyễn Đình Thành. Chia di sản thừa kế của ông Tuyền cho 04 đồng thừa kế như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị T cùng các con đẻ là Nguyễn Đình Thành, Nguyễn Thị Vân được sử dụng diện tích đất là 107 m² đất, trị giá 1.605.000.000 đồng (Trong đó phần bà Tuấn của các con được hưởng 03 kỷ phần là 72m² đất, trị giá 1.080.000.000 đồng và 35m² đất trị giá 525.000.000 đồng là kỷ phần của cụ Châm được hưởng) tại thửa đất 187, thửa số 19, có diện tích 214 m² và $\frac{1}{2}$ tài sản trên đất trị giá là: 282.924.500 đồng (Gồm $\frac{1}{2}$ Nhà ở, mái vẩy, giá trị lấp đất. Trong đó phần bà Tuấn và hai con được hưởng 03 kỷ phần là 212.193.375 đồng và kỷ phần cụ Châm được hưởng giá trị 70.731.125 đồng). Tổng cộng trị giá đất ở và tài sản trên đất mà bà Tuấn, chị Vân, anh Thành được giao là 1.887.924.500 đồng. (Trong đó gồm của bà Tuấn và các con là anh Thành và chị Vân được hưởng thừa kế của ông Tuyền trị giá là 1.292.193.375 đồng + giá trị tài sản trên đất và 35m² đất ở thuộc kỷ phần của cụ Châm tổng trị giá là 595.731.125 đồng).

3. Công nhận khối tài sản gồm diện tích đất ở 412 m², tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, có giá trị: 1.648.000.000 đồng và tài sản trên đất gồm: Nhà cấp bốn, xây hai tầng cầu thang bên ngoài, hết khấu hao; Mái vẩy lợp tôn của nhà 2 tầng làm năm 2012; Cổng sắt một cánh, sắt đã cũ rỉ; Tường bao; Sân lát gạch đỏ; Nhà bếp + công trình phụ mái lợp Proximãng; 02 Bể nước tổng trị giá 52.632.000 đồng. Tổng giá trị tài sản đất và tài

sản trên đất là: 1.700.623.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Thanh Bình và cụ Lê Thị Ch.

Cụ Nguyễn Thanh Bình chết ngày 01/4/2014, phần di sản của cụ Bình là: $\frac{1}{2}$ = 850.311.500 đồng.

Xác định hàng thừa kế thừa thứ nhất của cụ Nguyễn Thanh Bình gồm: cụ Lê Thị Ch, ông Nguyễn Đình Tuệ, ông Nguyễn Đình Tuyền, bà Nguyễn Thị Chinh, ông Nguyễn Đình Môn, bà Nguyễn Thị Thủy. Ông Nguyễn Đình Môn chết năm 2000, có một con là chị Nguyễn Thị Hồng Phúc, nên chị Phúc là người thừa kế thế vị của ông Môn. Chia di sản thừa kế của cụ Bình cho 06 đồng thừa kế như sau:

Giao cho cụ Châm cùng các con gồm ông Tuệ, bà Chinh, bà Thủy, chị Phúc là người thừa kế thế vị của anh Môn được quyền sử dụng chung diện tích 171,7m² đất ở tại thửa số 140, tờ bản đồ số 19 Thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, trị giá 824.000.000 đồng và đồng sở hữu 5/12 tài sản tài sản trên đất có giá trị 21.930.000 đồng.

Giao cụ Châm sử dụng 34,3m² đất ở, trị giá 137.200.000 đồng và sở hữu 1/12 tài sản trên đất trị giá 4.386.000 đồng. Tổng giá trị đất ở và tài sản trên đất là 141.586.000 đồng là kỷ phần của ông Tuyền được hưởng thừa kế của cụ Bình tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 19 Thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội (Trong đó của cụ Châm được hưởng = $\frac{1}{4}$ trị giá tài sản = 35.396.500 đồng và của Bà Tuấn + chị Vân + anh Thành được hưởng $\frac{3}{4}$ giá trị tài sản = 106.189.500 đồng)

3. Đối trừ nghĩa vụ với giá trị tài sản các bên đương sự: Cụ Châm được hưởng thừa kế của ông Tuyền có tổng trị giá là 595.731.125 đồng, được đối trừ với giá trị tài sản chị Vân, anh Thành và bà Tuấn được hưởng thừa kế đối với phần thừa kế tài sản của ông Tuyền được hưởng chia thừa kế của cụ Bình trị giá 106.189.500 đồng tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 19 Thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội giao cho cụ Châm. Buộc bà Tuấn cùng các con là chị Vân, anh Thành phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho cụ Châm số tiền là 489.541.625 đồng (bốn trăm tám chín triệu năm trăm bốn một nghìn sáu trăm hai năm đồng).

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý, bà Nguyễn Thị T kháng cáo Bản án. Đơn kháng cáo của bà Tuấn có nội dung chính: Bản án dân sự sơ thẩm chia cho cụ Châm được hưởng 35m² trong khi 3 thừa kế còn lại được hưởng 72m² là trái với quy định của pháp luật dân sự về thừa kế. Di sản của ông Tuyền để lại được chia đều cho những người đồng thừa kế tức là 107m² chia cho 4 người mỗi đồng thừa kế được hưởng 26,75m². Hơn nữa ông Tuyền bị bệnh ốm, vợ chồng bà vay tiền của anh em họ hàng hơn 300.000.000 đồng để chữa bệnh xây nhà. Bà có nêu tại Toà nhưng khi Toà xét xử lại không tính phần nghĩa vụ trả nợ này cho những người được hưởng di sản là trái với quy định của Bộ luật dân sự. Bà Tuấn yêu cầu Toà án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình chứng cứ mới.

Luật sư Chu Văn Tiến, Luật sư Trần Đình Thắng trình bày luận cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Tuấn và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho định giá lại tài sản và tính lại công sức của cụ Châm, giải quyết số tiền vay nợ của bà Tuấn.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm định giá lại tài sản. Bản án dân sự sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng là các cháu Toàn, cháu Minh (là con của anh Hoàn), cháu Giang (là con của anh Thành) đang sinh sống trên đất là thiếu sót. Đất gia đình bà Tuấn đang sử dụng có phần lấn ra đất công nhưng thiếu UBND xã tham gia tố tụng; Bản án dân sự sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03 khi đất tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận là không đúng. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng, bà Nguyễn Thị T nộp đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung, xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tuấn cho rằng 2 thửa đất cùng tờ bản đồ nhưng khi Tòa định giá lại có giá trị rất khác nhau, bà Tuấn yêu cầu định giá lại. Xét thấy, tuy hai thửa đất cùng thuộc tờ bản đồ số 19 nhưng vị trí 2 thửa đất rất khác nhau, cụ thể: Thửa đất 214m² có vị trí là mặt đường làng có giá trị cao, thửa đất 412m² có vị trí ở trong ngõ xóm có giá trị thấp là lẽ bình thường. Khi yêu cầu định giá lại, bà Tuấn không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh giá trị đất thực tế đang giao dịch tại 2 vị trí đó; vì vậy không có căn cứ để định giá lại.

Xét kháng cáo của bà Tuấn về việc tính lại công sức của cụ Châm thấy rằng: Nguồn gốc thửa đất số 187, tờ bản đồ số 19, diện tích 214 m² tại xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao

Viên, Huyện Thanh Oai do cụ Bình và cụ Châm xin và được UBND xã Cao Viên, huyện Thanh Oai cấp. Lý do được cấp vì ông Bình là bộ đội, đông con nên được cấp, mục đích hai cụ xin cấp là để cho vợ chồng ông Tuyền bà Tuấn làm nhà ra đó ở. Khoảng năm 1986 thì vợ chồng cụ Châm cùng vợ chồng bà Tuấn, Tuyền đắp đất, đến đầu năm 1988 thì vợ chồng ông Tuyền và bà Tuấn làm nhà ở.

Bản án dân sự sơ thẩm chia cho cụ Châm được hưởng 35m²; ba thừa kế còn lại là bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Đình Thành và chị Nguyễn Thị Vân, được hưởng mỗi người 24m², tổng cộng là 72m² là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự về thừa kế. Bởi lẽ, Bản án dân sự sơ thẩm đã xem xét đến công sức đóng góp, tôn tạo thửa đất trên của cụ Lê Thị Ch cùng cụ Bình khi xin cấp đất và tôn tạo của cả thửa đất có diện tích 214m² (chứ không phải chỉ 107m² đất) sau đó mới cho vợ chồng ông Tuyền và bà Tuấn ra làm nhà ở. Kháng cáo của bà Tuấn đề nghị chia di sản của ông Tuyền để lại được chia đều cho những người đồng thừa kế, tức là 107m² chia cho 4 người mỗi đồng thừa kế được hưởng 26,75m² không được chấp nhận.

Xét kháng cáo của bà Tuấn về việc, khi ông Tuyền bị bệnh ốm, vợ chồng bà vay tiền của anh em họ hàng hơn 300.000.000 đồng để chữa bệnh, xây nhà. Bà có nêu tại Toà án nhưng khi Toà xét xử, lại không tính phần nghĩa vụ trả nợ này cho những người được hưởng di sản là trái với quy định của Bộ luật dân sự. Bà Tuấn yêu cầu Toà án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm bà Tuấn khai: *Do làm nhà có thiếu tiền nên mới đi vay của người khác, nhưng sau khi xây xong được khoảng 01 năm (2014) thì ông Tuyền bị bệnh chết, số tiền vay là 300.000.000 đồng + tiền lãi khi vay, nếu không trả thì phải cầm đất là 100m², chứ chưa có việc mua bán, chuyển nhượng đất cho ai.* Việc bà Tuấn có lời khai như trích dẫn trên như là một lý do để bà Tuấn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Châm chứ không phải là yêu cầu phản tố.

Theo quy định của pháp luật, để yêu cầu của đương sự được Toà án xem xét giải quyết, bà Tuấn phải có đơn phản tố; nộp kèm theo tài liệu, chứng cứ để chứng minh và phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Do không có các điều kiện nêu trên nên Toà án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng pháp luật. Kháng cáo của bà Tuấn về nghĩa vụ trả nợ không được chấp nhận trong vụ án này. Bà Tuấn có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác để giải quyết nghĩa vụ trả khoản nợ của người để lại thừa kế đối với người được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà thấy rằng: Đề nghị định giá lại tài sản là không có cơ sở. Việc đưa thêm người tham gia tố tụng là các cháu Toàn, cháu Minh (là con của anh Hoàn), cháu Giang (là con của anh Thành) đang sinh sống trên đất là không cần thiết; bởi lẽ Bản án dân sự sơ thẩm chia thừa kế theo nguyên tắc giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất và thanh toán bằng tiền. Bản án dân sự sơ thẩm không

giải quyết chia thừa kế phần đất lần ra đất công nên không đưa UBND xã tham gia tố tụng là phù hợp. Bản án dân sự sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03 trong vụ án này là có tính tương đồng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Như đã trích dẫn và phân tích trên, Bản án dân sự sơ thẩm đã căn cứ và áp dụng đúng, phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế hiện hành để xét xử vụ kiện; kháng cáo của bà Nguyễn Thị T không có căn cứ, không được chấp nhận; cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148, 201, 202, 227, 271, 272, 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 658, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, 167, 170, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 33 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự; Án lệ số 03/2016/AL ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao .

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/ DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần di sản của ông Nguyễn Đình Tuyến để lại của cụ Lê Thị Ch.

Chấp nhận yêu cầu của độc lập chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần di sản của cụ Nguyễn Thanh Bình để lại của anh Nguyễn Đình Thành và chị Nguyễn Thị Vân.

2. Công nhận khối tài sản bao gồm diện tích đất 214m², thuộc tờ bản đồ số 19, thửa số 187 xóm Kênh, thôn Trung, xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội có giá trị: 3.210.000.000 đồng và các tài sản trên đất bao gồm: Nhà ở và các công trình gắn, phần đất đổ nền có giá trị: 565.849.000 đồng; Tổng giá trị là 3.775.844.000 đồng là tài sản chung của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình Tuyến.

Ông Nguyễn Đình Tuyền chết ngày 02/10/2014; Phần di sản của ông Tuyền là: $\frac{1}{2}$ = 1.887.922.000 đồng.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Tuyền gồm: Cụ Lê Thị Ch, bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Vân, anh Nguyễn Đình Thành. Chia di sản thừa kế của ông Tuyền cho 04 đồng thừa kế như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị T cùng các con đẻ là Nguyễn Đình Thành, Nguyễn Thị Vân được sử dụng diện tích đất là 107m² đất, trị giá 1.605.000.000 đồng (Trong đó phần bà Tuấn của các con được hưởng 03 kỷ phần là 72m² đất, trị giá 1.080.000.000 đồng và 35m² đất trị giá 525.000.000 đồng là kỷ phần của cụ Châm được hưởng) tại thửa đất 187, thửa số 19, có diện tích 214m² và $\frac{1}{2}$ tài sản trên đất trị giá là: 282.924.500 đồng (Gồm $\frac{1}{2}$ nhà ở, mái vẩy, giá trị lấp đất. Trong đó phần bà Tuấn và hai con được hưởng 03 kỷ phần là 212.193.375 đồng và kỷ phần cụ Châm được hưởng giá trị 70.731.125 đồng). Tổng cộng trị giá đất ở và tài sản trên đất mà bà Tuấn, chị Vân, anh Thành được giao là 1.887.924.500 đồng. (Trong đó gồm của bà Tuấn và các con là anh Thành và chị Vân được hưởng thừa kế của ông Tuyền trị giá là 1.292.193.375 đồng + giá trị tài sản trên đất và 35m² đất ở thuộc kỷ phần của cụ Châm tổng trị giá là 595.731.125 đồng).

3. Công nhận khối tài sản gồm diện tích đất ở 412m², tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, có giá trị: 1.648.000.000 đồng và tài sản trên đất gồm: Nhà cấp bốn, xây hai tầng cầu thang bên ngoài, hết khấu hao; Mái vẩy lợp tôn của nhà 2 tầng làm năm 2012; Cổng sắt một cánh, sắt đã cũ rỉ; Tường bao; Sân lát gạch đỏ; Nhà bếp + công trình phụ mái lợp Proximăng; 02 Bể nước tổng trị giá 52.632.000 đồng; Tổng giá trị tài sản đất và tài sản trên đất là: 1.700.623.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Thanh Bình và cụ Lê Thị Ch.

Cụ Nguyễn Thanh Bình chết ngày 01/4/2014, phần di sản của cụ Bình là: $\frac{1}{2}$ = 850.311.500 đồng.

Xác định hàng thừa kế thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thanh Bình gồm: Cụ Lê Thị Ch, ông Nguyễn Đình Tuệ, ông Nguyễn Đình Tuyền, bà Nguyễn Thị Chinh, ông Nguyễn Đình Môn, bà Nguyễn Thị Thủy. Ông Nguyễn Đình Môn chết năm 2000, có một con là chị Nguyễn Thị Hồng Phúc, nên chị Phúc là người thừa kế thế vị của ông Môn. Chia di sản thừa kế của cụ Bình cho 06 đồng thừa kế như sau:

Giao cho cụ Châm cùng các con gồm ông Tuệ, bà Chinh, bà Thủy; chị Phúc là người thừa kế thế vị của anh Môn được quyền sử dụng chung diện tích 171,7 m² đất ở tại thửa số 140, tờ bản đồ số 19 Thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, trị giá 824.000.000 đồng và đồng sở hữu 5/12 tài sản tài sản trên đất có giá trị 21.930.000 đồng.

Giao cụ Châm sử dụng 34,3m² đất ở, trị giá 137.200.000 đồng và sở hữu 1/12 tài sản trên đất trị giá 4.386.000 đồng; tổng giá trị đất ở và tài sản trên đất là 141.586.000 đồng là kỷ phần của ông Tuyền được hưởng thừa kế của cụ Bình tại thửa đất số 140, tờ

bản đồ số 19 Thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội (Trong đó của cụ Châm được hưởng = $\frac{1}{4}$ trị giá tài sản = 35.396.500 đồng và của bà Tuấn + chị Vân + anh Thành được hưởng $\frac{3}{4}$ giá trị tài sản = 106.189.500 đồng)

4. Đối trừ nghĩa vụ với giá trị tài sản của các bên đương sự: Cụ Châm được hưởng thừa kế của ông Tuyển có tổng trị giá là 595.731.125 đồng (tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 19 Thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội), được đối trừ với giá trị tài sản chị Vân, anh Thành và bà Tuấn được hưởng thừa kế đối với phần thừa kế tài sản của ông Tuyển được hưởng chia thừa kế của cụ Bình trị giá 106.189.500 đồng (tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 19 Thôn Trung, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội). Buộc bà Nguyễn Thị T cùng các con là Nguyễn Đình Thành, Nguyễn Thị Vân phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho cụ Lê Thị Ch số tiền là 489.541.625đ (bốn trăm tám chín triệu năm trăm bốn một nghìn sáu trăm hai năm đồng).

5. Trách nhiệm do chậm thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Quyền, nghĩa vụ khi thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về án phí:

* Án phí sơ thẩm: Cụ Lê Thị Ch được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cụ Lê Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 02442 ngày 07/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai.

Ông Nguyễn Đình Tuệ, bà Nguyễn Thị Chính, bà Nguyễn Thị Thủy, chị Nguyễn Thị Hồng Phúc (là người thừa kế thế vị của ông Môn) mỗi người phải chịu 7.079.000đ (bảy triệu không trăm bảy chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đình Thành, chị Nguyễn Thị Vân mỗi người phải chịu 22.645.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp (anh Thành và chị Vân) 10.000.000 đồng theo Biên lai thu số 01975 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai; anh Thành, chị Vân mỗi người còn phải nộp 17.645.000đ (mười bảy triệu sáu trăm bốn mươi năm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 22.645.000đ (hai mươi hai triệu sáu trăm bốn năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

* Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 02229 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện Thanh Oai;
- Chi cục THADS huyện Thanh Oai;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Viết Văn